TỨ THẬP
NHỊ CHƯƠNG

Tỳ-kheo-ni HẢI TRIỀU ÂM

Kinh

❖ TỨ THẬP NHỊ CHƯƠNG
❖ DI GIÁO
❖ KHUYẾN PHÁT BỒ ĐỀ TÂM VĂN

NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO
PL. 2563-2019

Tiểu Sử

Cố Đại Lão Sư Trưởng Hải Triều Âm

Sư trưởng pháp húy Hải Triều Âm, tự Đại Thành, hiệu Bác Tế Từ Hòa, thế danh Nguyễn Thị Ni, sinh năm 1920 tại tỉnh Hà Đông, nay thuộc thủ đô Hà Nội.

Thân phụ là một công chức người Pháp, cụ ông Etienne Catallan. Thân mẫu là một y sĩ người Việt, cụ bà Nguyễn Thị Đắc. Vì thế Sư trưởng còn có tên thế tục tiếng Pháp là Eugénie Catallan.

Thầy sanh trưởng trong gia đình nề nếp gia phong, được huân ướp một đời sống đạo đức, lễ nghi của người châu Á. Kiến thức văn hóa, trí tuệ sâu rộng từ trường học Tây phương. Thầy đã có một lối sống khuôn phép nhưng khoáng đãng, lịch sự nhưng cương trực.

Lấy xong bằng tốt nghiệp Diplôme D'étude Primaire Suprieur Thầy đi dạy học. Ngay khi còn tại gia, Thầy đã biểu lộ lòng từ bi. Ngày ngày dạy học, ngoài thời giờ

Thầy vào các bệnh viện, trại mồ côi, dưỡng lão để giúp đỡ an ủi động viên những mảnh đời bất hạnh.

Cơ duyên được biết Phật pháp là do Sư cụ Thích Tuệ Nhuận. Bài pháp đầu tiên được nghe Sư cụ giảng tại chùa Quán Sứ là kinh Lăng Nghiêm, phẩm Quán Âm Quảng Trần và chương Đại Thế Chí niệm Phật. Lãnh hội được sự vi diệu của Phật pháp đem lại niềm an vui cho mọi người. Sau đó, Thầy thường in những cuốn kinh nhỏ phát cho các Phật tử tới chùa tụng kinh hằng ngày.

Quy y với Hòa-thượng Pháp chủ đương thời là ngài Thích Mật Ứng, được Ngài đặt cho pháp danh là Hải Triều Âm.

Thầy sáng lập gia đình Phật tử, mở các hội trưởng lão, thanh thiếu niên, nhi đồng ở Hà Nội, Hải Phòng. Ngoài ra Thầy còn viết bài cho tòa báo Bồ Đề của Sư cụ Thích Tuệ Nhuận, dưới bút hiệu là Thích Nữ Cát Tường Lan. Các bài pháp rất thực tế, đưa Phật pháp vào tư tưởng thanh thiếu niên trong thời đại giao thoa giữa Nho giáo và Tây học ở những năm cuối của thập niên 40, thế kỷ XX.

Năm 29 tuổi, thâm ngộ lẽ vô thường, phước thiện thế gian không thể đưa đến giải thoát. Thầy xuất gia với Hòa-thượng Thích Đức Nhuận, ở Hà Nội *(Người sau này là đức Đệ Nhất Pháp Chủ GHPGVN)*. Hòa-thượng

cho y chỉ và thọ giới với Hòa-thượng Ni Tịnh Uyển, chùa Thanh Xuân, làng Phùng Khoang, Hà Nội.

Đến năm 1952, vâng lời Hòa-thượng Bổn Sư di cư vào Nam. Nhập chúng tại Ni trường Dược Sư, Gia Định, Sàigòn. Vừa lo tu học, vừa hầu mẹ già bị bệnh bán thân, vừa lãnh việc chuyên giảng dạy cho Phật tử. Thầy tinh trì giới luật, nghe kinh Kim Cang lãnh ngộ được tông chỉ niệm Phật. Thầy tu quán Tứ Niệm Xứ để khai tuệ giác tỉnh, sở đắc về bộ kinh Lăng Nghiêm để khai tri kiến Phật.

Khoảng năm 1962, sau khi mẹ mất, vì muốn báo hiếu công ơn mẹ, Thầy nhập thất 5 năm ở chùa Vạn Đức, Thủ Đức, Sài Gòn. Những mong nhập Niệm Phật tam muội.

Năm 1968, Hòa-thượng Thích Thiền Tâm khai mở tông Tịnh-độ ở thôn Phú An, Đức Trọng, Lâm Đồng. Mời Thầy về để cùng một số Ni chúng thành lập xã Hoa Sen, noi gương Tổ Huệ Viễn. Nơi đây, Thầy nhập thất tại tịnh thất Linh Quang, chuyên tâm niệm Phật.

Năm 1970, Hòa-thượng Thích Thanh Từ mở lớp tu thiền 3 năm ở Thiền viện Chơn Không, Vũng Tàu. Thầy là một trong 10 vị khóa đầu được Hòa-thượng chiêu sinh. Thầy theo khóa học thiền để hỗ trợ cho công hạnh tu Tịnh-độ. Sau thời gian tu tập, Thầy ngộ được tôn chỉ "Tri vọng vọng tan, chính là quán hạnh Tứ Niệm Xứ".

Năm 1973, Thầy trở về Tịnh thất Linh Quang, Lâm Đồng nối tiếp công phu tu niệm.

Nhưng từ hoài bi nguyện độ sanh không bỏ, Thầy bắt đầu độ chúng, lúc đó chỉ có vài chục người. Đến nay đã thành lập 9 chùa Ni Liên, Linh Quang, Liên Hoa, Viên Thông, Hương Sen, Dược Sư, Lăng Nghiêm, Bát Nhã và Dược Sư 2. Đủ các căn cơ, già trẻ, lớn bé cho đến người tàn tật, trẻ mồ côi Thầy đều đưa tay tế độ, mong họ được kết duyên với Phật pháp. Phật tử quy y thì không biết bao nhiêu mà kể.

Mặc dù giác biết chúng sanh huyễn có, vẫn dùng pháp huyễn để độ chúng sanh. Ngày ngày lên lớp giảng dạy, từ sáng đến trưa, từ trưa đến chiều, lời lẽ uyên bác, chỉ mặt phải, răn mặt trái. Nhắc đi nhắc lại, cặn kẽ từng lời, mong sao cho các con thấm nhuần kinh pháp. Lời giảng dạy của Thầy ai nghe cũng thấy đúng với tâm trạng của mình, hợp thời, hợp cơ, giản dị dễ hiểu, lại rất thực tế.

Đối với đại chúng, Thầy khiêm cung, giản dị, từ hòa. Nhưng nghiêm khắc đưa đại chúng vào khuôn khổ giới luật, nội quy. Sửa trị những xấu ác, nhưng bao dung những lỗi lầm chỉ cốt cho đại chúng thành những bậc pháp khí trong Phật pháp. Thầy một lòng lo cho đại chúng, từ tinh thần đến vật chất, hy sinh sức khỏe thời giờ, tận tình từ đời sống tạm thời đến rồi đi, tới đời sống đạo vị lợi ích

vĩnh viễn trong kiếp tương lai. Suốt ngày trọn đêm không giờ phút nào Thầy ngơi nghỉ trong bổn phận tự giác giác tha.

Tấm gương vô ngã vị tha của Thầy, không lời lẽ nào kể hết được. Hạnh đức của Thầy đã gieo vào tâm thức chúng con những ấn tượng khó phai. Lúc Thầy ở Chùa Liên Hoa, Bình Thạnh, TPHCM, học chúng đổ về học pháp rất nhiều, không đủ chỗ, Thầy sửa lại phòng tắm làm chỗ nghỉ cho mình, nhường phòng mình làm chỗ ở cho đại chúng. Còn nhớ những ngày đông giá rét ở xứ lạnh cao nguyên, ai ai cũng co ro lo tìm sự an ổn cho mình. Riêng Thầy, áo mền ấm áp nhường tất cả cho các con, ráp những tấm vải thô vừa nặng vừa chẳng đủ ấm làm phần của mình.

Thấy đàn hậu lai trí kém tuệ ít, Thầy toát yếu lại những bộ kinh Hoa Nghiêm, Bát Nhã, Lăng Nghiêm, Pháp Hoa, Luật Tỳ-kheo-ni v.v... lời văn giản dị, xác thực để học chúng dễ nắm được yếu chỉ của kinh luật. Mắt đeo kính, dưới ánh đèn dầu, Thầy miệt mài đọc sách dịch kinh. Từng bộ kinh Hán văn dày cộm đầy những chữ với bộ óc tuổi già thật mỏi nhọc, Thầy vẫn hết sức cố gắng cặm cụi dịch sang Việt ngữ để đàn hậu lai có sách học tập. Thầy đã biên dịch, biên soạn, toát yếu hơn 100 đầu sách và in ấn không biết bao nhiêu mà kể. Bậc chân tu liễu đạo thường ẩn danh nên mỗi một cuốn sách viết

ra Thầy không để tên mình bao giờ, mà lấy tên của các đệ tử đặt vào sách *(sau này khi tái bản, chúng con đã mạn phép ghi tên Tôn Sư vào sách)*. Ấn tống các kinh Di Đà, Phổ Môn, Dược Sư gởi khắp Bắc Trung Nam, để các Phật tử có kinh tiếng Việt. Mang bệnh giựt cơ trên đầu mấy chục năm nhưng chưa từng vì đó mà nghỉ ngơi. Năm 1983, vì muốn làm cuốn Hai Cánh Nhà Ni cho các Tỳ-kheo-ni mới thọ giới nắm vững giới điều, Thầy đã thức suốt cả tháng.

Một lòng tôn kính Phật Pháp Tăng, gặp bất cứ hình tượng Phật nào Thầy đều thành kính đảnh lễ. Tận tình học pháp, nghiên cứu pháp, truyền bá giáo pháp, cả đời Thầy nêu cao tấm gương vì pháp quên thân. Đối với Tăng Ni, Thầy khiêm cung, kính trọng, dạy hàng đệ tử chúng con suốt đời phải thực hành Bát Kính Pháp. Dạy chúng con nếp sống lục hòa, trên kính dưới nhường, lấy Giới Định Tuệ làm sự nghiệp chính của mình.

Thầy thường răn nhắc chị em phải tinh tấn tu hành để đền ơn thí chủ. Đời sống giản dị, tiết kiệm từng hạt gạo, tấm vải. Thường răn dạy chúng con không được phung phí vật dụng Tam-bảo, phải biết yêu tiếc như giữ tròng con mắt. Thầy kiệm đức kiệm phước trong từng hành động, 70 tuổi vẫn tự giặt áo, giăng mùng, không phiền nhọc một người hầu hạ. Mãi đến 80 tuổi, Phật sự đa đoan, tuổi già mỏi nhọc, Thầy mới cho hàng đệ tử

chúng con trợ giúp. Đến khi già lão, thân suy yếu lại bệnh nhưng chưa bao giờ Thầy hiện tướng mỏi nhọc buồn phiền, gặp ai cũng nở nụ cười từ ái. Ai đến gần Thầy đều cảm nhận được sự mát mẻ từ bi, tất cả bao phiền não đều tiêu tan.

Bởi vì thấu đạt được chân lý "nhất thiết chúng sanh giai hữu Phật tánh", nên con sâu cái kiến, hàm linh bão thức, các loài chúng sanh, đã có duyên với Thầy đều được thừa hưởng ân đức Thầy ban bố, được thấm nhuần pháp vị. Lòng từ bi của Thầy không chỉ nhân loại được hưởng mà thấm nhuần đến từng cỏ cây, loài vật. Với chúng sanh, đói Thầy cho ăn, khát Thầy cho uống, rét Thầy cho áo mặc, niệm Phật để nó kết duyên với Phật pháp từ đời này đến đời sau. Thầy răn dạy chúng con "đó chính là những huynh đệ chúng ta từ kiếp trước, chỉ vì một chút lỗi lầm phải đọa làm thân chó, nên các con phải tận tình thương xót".

Xếp đặt cho các con trong hiện tại đã đủ mọi bề khó khăn, lại còn lo mai này, Thầy về cõi Phật, các con nương tựa vào đâu? Thầy làm chùa, xây dựng cho hậu lai nơi ăn chốn ở. Nhưng thế sự vô thường, không bền chắc, chỉ có Phật pháp mới là nơi nương tựa vững vàng nhất. Thầy vì đàn hậu lai mở ra một đường lối tu hành rõ ràng. Năm 1988, Thầy viết một bài Di Chúc, để lại cho đàn hậu lai chúng con. Đó vừa là lời dặn dò, vừa là

con đường tu hành của bản thân Thầy và cũng là kim chỉ nam chỉ lối đưa đường cho đàn hậu lai chúng con trên bước đường tu học.

Qua bao thăng trầm thế sự, Thầy vẫn như núi kia bất động trước cảnh đời dâu bể, vẫn cúi xuống tận lực đùm bọc che chở, nuôi dưỡng thánh chủng cho hàng đệ tử chúng con. Sức an định của Thầy như núi cao bất động trước phong ba của tám gió. Trí tuệ của Thầy như trăng sáng chiếu soi, phá tan bao hắc ám của đời sanh tử. Dù nói bao nhiêu cũng không đủ lời để tán dương hạnh đức Tôn sư.

Năm 2009 ngày 6 tháng 7 âm lịch, Thầy để lại bút tích như sau:

Ký ca ký cóp
Đóng góp nên công
Nhẹ như lông hồng
Bay về Cực Lạc.
Hào quang sáng quắc
Vẫy gọi muôn phương
Cái bướm con mèo
Trời người muôn loại.
Mau mau tỉnh giấc

Thoát xác vô minh
Giải nghiệp hữu tình
Lên đường giải thoát.

Bốn năm sau ngày Sư trưởng để lại bút tích. Mùng 4 tháng 4 năm Quý Tỵ *(13/5/2013)* là ngày Vía đức Văn Thù Bồ-tát, cũng là ngày Kỷ niệm xuất gia lần thứ 64 của Thầy, một vầng hào quang rực rỡ xuất hiện trên đỉnh tháp khoảng từ 8 đến 12 giờ trưa.

Trước ngày vãng sanh, Thầy cho biết đã nhìn thấy đức A Di Đà, đức Văn Thù Bồ-tát, Phổ Hiền Bồ-tát cùng các thánh chúng đến đón.

11 giờ 56 phút, ngày 31 tháng 7 năm 2013 *(nhằm ngày 24 tháng 6 năm Quý Tỵ)*: Thầy thu thần thị tịch, hoa sen trắng thẳng vãng trời Tây. Thượng thọ 94 tuế thế, 60 hạ lạp.

Thí chủ xây Kim Quang tháp cúng dường tại Ni viện Dược Sư, Đức Trọng, Lâm Đồng, nơi an nghỉ cuối cùng của nhục thân trần thế.

Thần thức lên miền An Dưỡng,
Nghiệp chướng bỏ lại trần lao.
Hoa khai chín phẩm sen vàng,
Phật rủ nhất thừa thọ ký.

Trong suốt những ngày tang lễ đều có vầng hào quang xuất hiện trên đỉnh tháp, dưới sự chứng kiến của những người tham dự.

Liên tiếp các ngày tuần thất cho đến tuần chung thất, cũng đều có hào quang xuất hiện và mây ngũ sắc trên bầu trời.

Sư trưởng đã thị hiện vô thường, để lại niềm nuối tiếc khôn nguôi cho hàng trăm, hàng ngàn đệ tử xuất gia và tại gia trên khắp thế giới.

Chúng con mạo muội viết lên ít dòng để nêu lên một phần nào công hạnh của Tôn sư, mong rằng những người hữu duyên được mông ân pháp vũ.

Nam mô Kim Quang tháp, Tào Động phái, pháp húy Hải Triều Âm, tự Đại Thành, hiệu Bác Tế Từ Hòa, Đại lão Sư trưởng giác linh.

Chùa Dược Sư, ngày 7-7-2014
Trân trọng kính ghi
đền ơn pháp nhũ

Kinh

Tứ Thập Nhị Chương

Lời Nói Đầu

Tứ Thập Nhị Chương là một bộ kinh được phiên dịch đầu tiên ở Trung Quốc. Nguyên vào đời Hậu Hán, niên hiệu Vĩnh Bình năm thứ 3 *(Tây lịch 53)*. Một hôm vua Minh Đế nằm mộng thấy một người mình vàng, cao trượng sáu, đỉnh đầu có hào quang bay tới trước sân điện nhà vua. Ông Thái sư đoán mộng rằng: "Thần nghe bên Tây Vức có Phật đà, toàn thân màu vàng kim sắc. Có khi bệ hạ được thấy Ngài đó chăng?".

Vua liền phái một đoàn 18 người qua Ấn Độ để thỉnh kinh tượng. Đi nửa đường, phái đoàn gặp hai Pháp sư Ca Diếp Ma Đằng và Trúc Pháp Lan dùng bạch mã chở kinh điển từ Thiên Trúc qua Trung Quốc. Mãi đến Tây lịch 60, phái đoàn mới về tới Lạc Dương.

Vua Minh Đế sắc chỉ xây cất chùa Bạch Mã để thờ Phật và kinh, đồng thời cũng cung thỉnh hai vị Pháp sư phiên dịch kinh điển để truyền bá. Bộ Tứ Thập Nhị Chương được phiên dịch trước nhất.

Bộ kinh này hàm chứa sự lý rất tinh diệu và phong phú. Về Sự, thì ngay chương đầu đã ghi được thành tích trước sau của đức Thế Tôn thành đạo và nói pháp, nên kinh này có những bài học quý báu ghi nhớ bổn hạnh của đức Thích Ca.

Về Lý, Tứ Thập Nhị Chương bao quát tất cả giáo nghĩa đại thừa và tiểu thừa, pháp yếu của Phật không cần tìm đâu xa. Để chứng minh điều này chúng ta hãy tìm ý chỉ của mỗi chương như sau:

1- Ba chương đầu dạy chung về hạnh quả tam thừa *(Thanh-văn, Duyên-giác và Bồ-tát)* lấy liễu thoát sanh tử làm căn bản, xuất gia là nhân, liễu thoát sanh tử là quả.

2- Từ chương 4 đến 8 thuyết minh nhân quả thiện ác của thế và xuất thế. Đây là thiện

ác thông cả ngũ thừa, các pháp thế gian và xuất thế gian đều được tóm thâu không sót.

3- Từ chương 9 đến 38 đặc biệt thuyết minh thắng hạnh đại thừa bất cộng *(lục độ vạn hạnh)*. Vì thế kinh này giảng lược nghĩa lý tiểu thừa, thuyết minh rõ về nghĩa lý đại thừa, đem Phật pháp về một mối.

4- Từ chương 39 đến 41 nói tổng quát về Giáo, Lý và Hạnh. Giáo phải tín thọ, Lý phải thông hiểu, Hạnh phải tu trì.

5- Chương cuối cùng tổng kết, đem Phật trí quan sát khắp tất cả các pháp thế gian và xuất thế gian.

Y cứ trên đây thì biết sau này các Pháp sư có diễn nói bao nhiêu nghĩa lý trong ba tạng, 12 bộ kinh chăng nữa cũng không ngoài 42 chương này.

Giáo sư Thích Hoàn Quán

Chúng ta thâm nhập Phật đạo bằng 2 cửa:

A- Thiền vào thẳng tiêu điểm. Con đường trực tiếp ngắn tắt này, đòi hỏi hành giả dùng bản tâm thanh tịnh, trực nhận thật tướng các pháp.

B- Trung và hạ căn niệm Phật cũng ra khỏi hiểm nguy sanh tử mà tiến lên quả Phật.

Phương tiện không cố định, cần linh động tùy hoàn cảnh. Như sơ tâm cần học thêm Tứ Niệm Xứ và Lăng Nghiêm để dễ đường xuất thế. Có người cần học để rõ nghĩa Phật tánh. Ai cũng biết sân hận là nhơ. Nên cố gắng nhẫn nhịn. Nếu còn ấm ức là nhơ vẫn còn. Phải tu các pháp quán để giải cái nhơ từ đáy lòng mới hết khổ. Hoàn cảnh mới thay đổi. Thanh thản hoàn toàn mới có thể vô hiệu hóa những chống đối phá hoại. Nhơ bên trong mà dẹp được thì chướng bên ngoài tự mất. Đoạn được tham sân rồi, si mê không còn môi trường hoạt động.

(Cố Sư trưởng Hải Triều Âm)

A. TỔNG KHỞI

Sau khi thành đạo đức Thế Tôn suy ngẫm: "Rời bỏ tham dục được sự tịch tịnh, thật là hơn hết". Rồi Ngài an trụ đại thiền định, hàng phục ma quân. Sau đó Ngài đến vườn Lộc Uyển, chuyển pháp luân Tứ Đế độ năm anh em Kiều Trần Như khiến chứng đạo quả. Nếu có Thầy Tỳ-kheo nào cầu quyết nghi thì Ngài dạy vẽ rõ ràng. Ai nấy khai ngộ, cung kính vâng lời.

B. CHANH THUYET

1- CỘNG GIÁO: HẠNH QUẢ TAM THỪA

a) CHỨNG QUẢ XUẤT THẾ

CHƯƠNG 1:

Phật dạy những người từ giã cha mẹ xuất gia, minh tâm kiến tánh, ngộ pháp vô vi, gọi là Sa-môn. Trì giữ hai trăm năm mươi giới, động tĩnh thanh tịnh, tu bốn chân đạo, thành A-la-hán. A-la-hán có thể phi hành biến hóa, kéo dài mạng sống, trụ động trời đất. Dưới là A-na-hàm, mệnh chung tinh thần sanh lên cõi trời thứ 19 mà chứng quả A-la-hán. Dưới nữa là Tư-

đà-hàm, phải một phen sanh lên trời, một phen sanh xuống cõi người, mới chứng A-la-hán. Dưới nữa là Tu-đà-hoàn, bảy lần sanh tử rồi mới chứng A-la-hán. Những vị này đã đoạn ái dục, cũng như chân tay một phen đã cắt cụt thì không bao giờ còn dùng tới nữa.

b) TU HẠNH XUẤT GIA

CHƯƠNG 2:

Sa-môn xuất gia dứt bỏ ái dục, liễu đạt nguồn tâm, hiểu Phật diệu lý, ngộ pháp vô vi, trong không sở đắc, ngoài không sở cầu, tâm không hệ đạo, cũng không kết nghiệp, không niệm không tác, không tu không chứng, chẳng cần trải qua các ngôi vị mà tự lên cao. Gọi thế là đạo.

CHƯƠNG 3:

Cạo bỏ râu tóc làm Sa-môn, thọ lãnh đạo pháp, xả bỏ của cải thế gian, khất cầu đủ dùng, giữa ngày ăn một bữa, dưới gốc cây ngủ một đêm, cẩn thận không trở lại! Khiến người ta ngu si, chính do ái và dục.

c) THÔNG NGHĨA THIỆN ÁC CỦA NGŨ THỪA

CHƯƠNG 4:

Chúng sanh có mười việc thiện cũng có mười việc ác. Thân sát đạo dâm; miệng hai lưỡi, hung ác, hư dối và thêu dệt; ý tật đố, sân giận, ngu si. Mười sự này không thuận Thánh đạo gọi là ác. Mười ác này nếu dứt thì gọi là thiện.

CHƯƠNG 5:

Có lỗi chẳng hối, chẳng dứt tâm quấy, tội dấn vào thân như nước về biển, dần thành sâu rộng. Có lỗi biết hối, cải ác làm lành, tội tự tiêu diệt như bệnh xuất hạn lần lần thuyên giảm.

CHƯƠNG 6:

Người ác nghe ai làm lành quyết tâm đến phá. Ông hãy tự ngăn dứt không nên giận trách. Kẻ kia mang ác tới, sẽ tự chịu điều ác đó.

CHƯƠNG 7:

Có người nghe ta giữ đạo, thật hành đại từ, đến mắng nhiếc ta. Ta làm thinh không đáp. Đợi người kia thôi nói, ta hỏi: "Ông đem lễ vật cho người, người ta không nhận, lễ ấy có về ông chăng?". Đáp rằng: "Về chứ!". Phật nói:

"Nay ông mắng ta, ta không nhận, ông tự chuốc họa vào thân như vang theo tiếng, như bóng theo hình, không hề rời nhau. Cẩn thận chớ làm ác!".

CHƯƠNG 8:

Kẻ ác hại người hiền, khác nào phun nước miếng nhổ lên trời, nước miếng chẳng đến trời mà trở lại mình, ngược gió tung bụi, bụi trở lại thân. Người hiền không thể hại mà họa ắt tới mình.

2- BẤT CỘNG GIÁO: THẮNG HẠNH ĐẠI THỪA

a) LẬP TÍN NGUYỆN

CHƯƠNG 9:

Mến đạo học rộng, đạo ắt khó hội. Thủ chí hành đạo, đạo kia thật lớn.

b) LỤC ĐỘ

CHƯƠNG 10: BÁ THÍ

Thấy người bá thí vui vẻ trợ giúp được phước rất lớn. Sa-môn hỏi: "Bạch đức Thế Tôn, phước đó có hết chăng?". Phật đáp: Thí như cây đuốc trăm ngàn người tới mồi, nào để nấu ăn, nào để thắp sáng, cây đuốc vẫn như cũ, phước cũng như thế.

CHƯƠNG 11:

Cho một trăm người ác ăn không bằng cho một người lành ăn, cho một ngàn người lành ăn không bằng cho một người trì ngũ giới, cho mười ngàn người ngũ giới ăn không bằng cúng dường một vị Tu-đà-hoàn, cúng dường một triệu vị Tu-đà-hoàn ăn không bằng cúng dường một vị Tư-đà-hàm

ăn, cúng dường mười triệu vị Tư-đà-hàm ăn không bằng cúng dường một vị A-na-hàm, cúng dường một ức vị A-na-hàm ăn không bằng cúng dường một vị A-la-hán, cúng dường mười ức A-la-hán ăn không bằng cúng dường một Bích Chi Phật. Cúng dường một trăm ức Bích Chi Phật ăn không bằng cúng dường một trong tam thế chư Phật, cúng dường một ngàn ức Phật ăn không bằng cúng dường một vị vô niệm, vô trụ, vô tu, vô chứng.

CHƯƠNG 12:

Người ta có 20 điều khó:

1. **Nghèo hèn mà bố thí là khó.**
2. **Giàu sang mà học đạo là khó.**
3. **Bỏ thân mạng quyết chết là khó.**

4. **Thấy được kinh Phật là khó.**
5. **Sanh nhằm đời có Phật là khó.**
6. **Nhẫn sắc nhẫn dục là khó.**
7. **Thấy tốt không ham cầu là khó.**
8. **Bị nhục không giận là khó.**
9. **Có thế lực không ỷ là khó.**
10. **Gặp việc vô tâm là khó.**
11. **Học rộng nghiên cứu nhiều là khó.**
12. **Trừ diệt ngã mạn là khó.**
13. **Không khinh người kém học là khó.**
14. **Thật hành bình đẳng là khó.**
15. **Chẳng nói thị phi là khó.**
16. **Gặp thiện tri thức là khó.**
17. **Thấy tánh học đạo là khó.**
18. **Tùy duyên hóa độ người là khó.**
19. **Gặp cảnh không động tâm là khó.**
20. **Khéo hiểu phương tiện là khó.**

CHƯƠNG 13: TRÌ GIỚI

Có vị Sa-môn hỏi Phật: Do nhân duyên gì biết được túc mạng, đến được chỗ chí đạo?

Phật đáp: Lắng sạch tâm mình, giữ vững ý chí, đến được chí đạo. Cũng như lau gương, bụi đi, còn lại ánh sáng. Đoạn dục vô cầu, sẽ được túc mạng.

CHƯƠNG 14:

Sa-môn hỏi Phật: Thế nào là lành, thế nào là lớn?

Phật dạy: Hành đạo, giữ điều chân thật là lành, chí hợp với đạo là lớn.

CHƯƠNG 15: NHẪN NHỤC

Sa-môn hỏi Phật: Cái gì rất mạnh, cái gì rất sáng?

Phật đáp: Nhẫn nhục rất mạnh, không ôm lòng ác lại thêm an kiện. Người an nhẫn không làm ác ắt được ai cũng tôn quý. Tâm cấu diệt hết, sạch không vết nhơ, ấy là rất sáng. Từ khi chưa có trời đất tới ngày nay, không có vật nào ở mười phương là không thấy, không biết, không nghe, được nhất thiết trí, có thể gọi là rất sáng vậy.

CHƯƠNG 16: THIỀN ĐỊNH

Ôm lòng ái dục chẳng thấy được đạo, như người lấy tay khuấy nước chẳng thấy được bóng mình. Người bị ái dục xáo trộn trong tâm cấu trược nên chẳng thấy đạo. Sa-môn phải dứt bỏ ái dục, nhờ ái dục hết rồi mới thấy được đạo.

CHƯƠNG 17: CĂN BẢN TRÍ (Bát Nhã)

Luận đến bậc kiến đạo như cầm đuốc vào nhà tối, bóng tối liền hết, còn lại ánh sáng. Học đạo thấy chân lý, vô minh liền dứt, trí tuệ thường còn.

CHƯƠNG 18: HẬU ĐẮC TRÍ (Bát Nhã)

Pháp của ta niệm, vô niệm, niệm; hành, vô hành, hành; ngôn, vô ngôn, ngôn; tu, vô tu, tu. Kẻ hội (biết) **thì rất gần, người mê thì rất xa! Ngôn ngữ đạo đoạn, chẳng có vật gì ràng buộc. Sai trong hào ly, mất trong giây lát.**

CHƯƠNG 19: GIA HẠNH TRÍ (Bát Nhã)

Quán vô thường là thường: Quan sát trời đất vô thường, quan sát thế giới vô thường, quan sát linh giác tức

Bồ-đề. Hiểu biết như thế mau đắc đạo.

CHƯƠNG 20:

Quán vô ngã như huyễn: Nên xét trong thân bốn đại, mỗi đại tự có tên riêng, chẳng có đại nào là ta. Ta đã không có, chỉ là huyễn vọng.

CHƯƠNG 21:

Quán ngũ dục: Người theo tình dục cầu thanh danh, thanh danh vừa hiển lộ thân đã chết, tham danh chẳng học đạo, uổng công mệt xác! Cũng như đốt hương, người vừa ngửi thơm, hương đã bị cháy, lửa hại thân ngay tại chỗ danh thành.

CHƯƠNG 22:

Tài sắc người không bỏ được, cũng như dao dính mật, thật chẳng đủ bữa ăn ngon, thế mà trẻ nít liếm vào ắt bị đứt lưỡi.

CHƯƠNG 23:

Vợ con nhà cửa ràng buộc như lao ngục. Lao ngục còn có thời kỳ phóng thích, nhưng đối với vợ con thì chẳng bao giờ có ý niệm xa lìa. Tâm khát sắc đẹp đâu biết sợ gian nguy. Dù gặp họa nơi miệng hùm cũng cam lòng chịu. Đắm mình nơi bùn lầy gọi là phàm phu, hiểu được lẽ ấy chính là bậc xuất trần A-la-hán.

CHƯƠNG 24:

Ái dục không chi hơn sắc đẹp. Cũng may chỉ có một thứ này thôi,

nếu có cái thứ hai bằng nó thì khắp thiên hạ, chẳng có ai thành đạo.

CHƯƠNG 25:

Ái dục như cầm đuốc đi ngược gió hẳn không khỏi cái nạn cháy tay.

CHƯƠNG 26:

Thiên thần dâng ngọc nữ cho Phật, toan hoại ý Phật. Phật bảo: "Đãy da ô uế tới đây làm gì? Đi! Ta chẳng dùng đâu". Thiên thần khởi tâm kính nể hỏi đạo. Phật vì giải nói. Thần liền chứng Tu-đà-hoàn.

CHƯƠNG 27: MẶC GIÁP TINH TẤN

Hành đạo như gỗ trôi mặt nước theo dòng mà đi, chẳng tấp vào bờ, chẳng bị người vớt, chẳng bị quỷ thần ngăn trở, chẳng bị nước xoáy đứng

lại, chẳng bị mục nát. Ta cam đoan khúc gỗ ra tới biển.

Người tu đạo chẳng bị dục tình mê hoặc, chẳng bị tà ma ngoại đạo nhiễu loạn, tinh tấn vô vi. Ta cam đoan người này đắc đạo.

CHƯƠNG 28:

Dè dặt chớ tin tâm ngươi, tâm ngươi không thể tin được. Dè dặt chớ gần sắc đẹp, gần sắc đẹp thì tai họa quyết sanh. Chừng nào chứng được A-la-hán rồi mới có thể tin được tâm ngươi.

CHƯƠNG 29:

Dè dặt chớ nhìn nữ sắc, chớ cùng nói chuyện. Nếu bất đắc dĩ cùng nói thì nên chánh tâm suy nghĩ: "Sa-môn

trong đời ác trược phải như hoa sen trong bùn nhơ, tưởng người già như mẹ, người lớn như chị, trẻ nhỏ như em, đứa bé như con". Phát tâm độ thoát liền diệt ác niệm.

CHƯƠNG 30:

Hành đạo như mang cỏ khô thấy lửa đến phải tránh. Đạo nhân thấy dục lạc, quyết phải lánh xa.

CHƯƠNG 31: HẠNH TINH TẤN

Có người sợ không dứt nổi dâm dục, muốn tự đoạn âm. Phật bảo: "Đoạn âm không bằng đoạn tâm. Tâm như quan tòa. Quan nếu nghỉ thì kẻ tòng sự mới nghỉ. Tà tâm chẳng dứt, đoạn âm ích gì". Phật Ca Diếp nói bài kệ:

"Dục sanh từ ý
Ý do tư tưởng,
Cả hai tịch tĩnh
Phi sắc phi hành".

CHƯƠNG 32:

Ái dục sanh lo, từ lo sanh sợ. Nếu xa ái dục còn gì sợ lo.

CHƯƠNG 33: TƯỚNG MẶC GIÁP TINH TẤN

Hành đạo như chiến sĩ đấu với vạn người. Mang giáp ra cửa, hoặc ý khiếp nhược, hoặc nửa đường lui, hoặc chống cự đến chết, hoặc đắc thắng mà về. Sa-môn học đạo giữ chắc tâm mình, tinh tấn dõng mãnh, chẳng sợ tiền cảnh, phá diệt chúng ma mà chứng đạo quả.

CHƯƠNG 34: NHIẾP THIỆN TINH TẤN

Có Thầy Sa-môn ban đêm tụng kinh Di Giáo của Phật Ca Diếp, âm thanh buồn thảm, âu sầu lo ngại như muốn thoái lui. Phật hỏi: Trước kia ở nhà ông làm nghề gì?

– Thưa, gảy đàn cầm.

Hỏi: Dây đàn chùng thì âm thanh thế nào?

– Thưa, không lên tiếng.

Hỏi: Dây căng thẳng thì sao?

– Thưa, âm thanh cụt ngắn.

Hỏi: Dây vừa chừng thì sao?

– Thưa, đủ các âm thanh.

Phật dạy: "Sa-môn học đạo cũng thế, giữ tâm chừng mực thì đạo có thể chứng. Nếu gấp quá thì thân mỏi

mệt, thân mỏi mệt ý liền phiền não, ý phiền não thì hạnh lui sụt, hạnh lui sụt tức là tội lỗi đã thêm lên. Chỉ có thanh tịnh an lạc, đạo mới không mất".

CHƯƠNG 35:

Luyện sắt bỏ quặng, chế tạo thành đồ dùng, đồ dùng mới được tinh xảo. Học đạo trừ tâm cấu nhiễm, công hạnh mới thanh tịnh.

CHƯƠNG 36: LỢI LẠC TINH TẤN

Thoát ác đạo được thân người là khó. Làm thân người được thân nam tử là khó. Thân nam tử đầy đủ sáu căn là khó. Sáu căn đầy đủ mà được sanh vào trung quốc là khó. Ở trung quốc mà được gặp Phật ra đời là khó. Gặp Phật mà được đạo là khó. Gặp

được đạo mà khởi tín tâm là khó. Đã có tín tâm mà biết phát tâm Bồ-đề là khó. Đã phát tâm Bồ-đề mà đến chỗ vô tu vô chứng là khó.

c) TRÌ GIỚI LÀ QUAN TRỌNG

CHƯƠNG 37:

Phật tử xa ta ngàn dặm mà thường nghĩ tới giáo pháp thì quyết định chứng quả. Phật tử ở ngay bên ta, thường được thấy ta mà chẳng sống theo giới pháp, trọn chẳng chứng đạo.

CHƯƠNG 38:

Phật hỏi một vị Sa-môn: "Mạng người sống chừng bao lâu?".

– Thưa, trong vài ngày.

– Ngươi chưa hiểu đạo.

Phật hỏi một vị Sa-môn khác: "Mạng người sống chừng bao lâu?".

– Thưa, trong một bữa ăn.

– Ngươi chưa hiểu đạo.

Phật lại hỏi một vị Sa-môn khác: "Mạng người sống chừng bao lâu ?".

– Thưa, trong hơi thở.

– Hay lắm, ngươi đã hiểu đạo.

3- TU

a) TIN GIÁO

CHƯƠNG 39:

Học đạo Phật phải tin theo lời Phật. Cũng như ăn mật, giữa chén hay chung quanh đều ngọt, kinh điển của ta cũng vậy.

b) HIỂU LÝ

CHƯƠNG 40:

Sa-môn hành đạo không như trâu mao ngưu, thân tuy hành đạo mà tâm đạo chẳng hành, tâm đạo nếu hành, đâu cần hành đạo.

c) THẬT HÀNH

CHƯƠNG 41:

Phàm hành đạo như trâu chở nặng đi trong bùn sâu, dù mỏi mệt vẫn chẳng dám ngó hai bên. Ra khỏi bùn lầy mới được thư thả. Sa-môn phải quán tình dục đáng sợ hơn bùn lầy. Trực tâm niệm đạo mới hy vọng thoát khổ.

C. TỔNG KẾT

CHƯƠNG 42:

Ta coi ngôi Vương hầu như bụi qua khe hở, coi vàng ngọc như ngói gạch, coi lụa là như giẻ rách, coi đại thiên thế giới như hạt cải, coi ao A-nậu như dầu thoa chân, coi môn phương tiện như đống hóa báu, coi pháp vô thượng thừa như mộng thấy vải kim tuyến, coi Phật đạo như hoa trước mắt, coi thiền định như núi Tu Di, coi Niết-bàn như ngày đêm tỉnh thức, coi sự đảo chính như sáu con rồng múa, coi bình đẳng như Nhất chân địa, coi sự hưng hóa như cây bốn mùa.

Kinh
Di Giáo

(Đời Diêu Tần, Tam tạng Pháp Sư Cưu Ma La Thập dịch)

KINH DI GIÁO

Đức Thích Ca Mâu Ni Phật chuyển pháp luân lần đầu tiên, hóa độ Tôn giả Kiều Trần Như. Thuyết pháp lần cuối cùng, hóa độ Tôn giả Tu Bạt Đà La. Những người có thể hóa độ đã hóa độ. Hôm nay trong rừng Ta La, giữa cây song thọ, Ngài sắp Niết-bàn. Trời đêm yên lặng, Ngài vì đệ tử sơ lược để lại giáo huấn tối hậu, toát yếu một đời thuyết pháp.

I./ TU TẬP CÔNG ĐỨC ĐỐI TRỊ TÀ NGHIỆP

1/- Giới Căn Bản Thanh Tịnh:

Các Thầy Tỳ-kheo hãy trân trọng cung kính tịnh giới, như người mù được mắt sáng, như nghèo nàn được vàng ngọc. Phải biết tịnh giới là Thầy của các ngươi, như ta ở đời không khác.

2/- Giới Phương Tiện Thanh Tịnh:

THÂN: **Giữ tịnh giới. Không được buôn bán, đổi chác, sắm sửa đất nhà, nuôi tôi tớ và súc vật, gieo trồng cày cấy, kinh doanh tiền của. Hãy tránh xa những việc này như tránh hố lửa. Cho đến không được chặt phá cỏ cây, đào cuốc đất đai, hòa chế thuốc thang, coi bói tốt xấu, ngước xem thiên văn, suy đoán thời tiết, đoán tính lịch số, đều không phải là việc của Tỳ-kheo.**

Các Thầy phải tiết chế cơ thể, ăn uống đúng giờ, sinh sống trong sạch.

KHẨU: **Không được tham dự thế sự, liên lạc sứ mạng, chú thuật, thuốc tiên, giao hảo quyền quý sanh ra hèn hạ, ngạo mạn.**

Ý: **Phải tự đoan tâm chánh niệm. Không được che giấu lỗi lầm, lập dị để mê hoặc quần chúng. Đối với bốn sự cúng dường phải tự lượng biết đủ, không nên tích chứa.**

3/- Công Đức Tịnh Giới:

Tịnh giới chính thuận với giải thoát nên gọi là Ba-la-đề mộc-xoa. Nhân giới sanh định, nhân định phát tuệ, nhân tuệ giải thoát thống khổ. Cho nên các Tỳ-kheo phải giữ tịnh giới, đừng hủy phạm thiếu sót. Ai có

tịnh giới là có thiện pháp. Không có tịnh giới thì chẳng công đức nào có thể phát sanh. Tịnh giới là yên ổn, là cỗi gốc của vạn đức.

II./ TU TẬP CÔNG ĐỨC ĐỐI TRỊ CÁC KHỔ

1/- Đối Trị Năm Thức Trước:

Các Thầy Tỳ-kheo phải chế ngự năm giác quan, không cho phóng túng chạy theo dục lạc. Như kẻ mục đồng tay roi tay giàm, không cho con trâu phạm vào lúa mạ của người. Buông lung năm giác quan, không thể kiềm chế thì tai họa sẽ không bờ mé. Như ngựa hung hăng sẽ đưa người cưỡi về nơi nguy hiểm. Giặc cướp chỉ làm hại một đời, năm giác quan buông lung tai họa nhiều kiếp, không thể không cẩn thận. Người trí tuệ phòng ngự

năm căn như giữ giặc. Nếu buông lung năm căn thì chẳng bao lâu, ta sẽ thấy chúng tàn diệt tất cả.

2/- Đối Trị Ý Thức:

Này các Tỳ-kheo, năm giác quan do tâm chủ động, cho nên phải thận trọng chế ngự tâm mình. Tâm đáng sợ hơn rắn độc. Thú dữ, giặc thù, lửa dữ chưa đủ để thí dụ cái hại của tâm. Như kẻ tay bưng bát mật, chân chạy nhảy, mắt đăm đăm nhìn bát mật thì làm sao thấy hố sâu ở dưới gót. Như voi điên không móc sắt, như vượn khỉ trong cây rừng, khó khăn mà ngăn cản. Các Thầy phải cấp tốc tỏa chiết, đừng buông lung. Buông lung tâm niệm thì tan nát hết thiện nghiệp. Chế ngự tâm một chỗ thì không việc

gì không xong. Cho nên hãy nỗ lực tinh tấn chiết phục tâm mình.

3/- Đối Trị Tham Ăn:

Thọ dụng ăn uống coi như thuốc hay, ngon không ham, dở không chê, chỉ cần duy trì cơ thể để đỡ khổ đói khát. Như ong hút hoa, chỉ lấy hương vị không tổn sắc hoa. Người xuất gia thọ dụng không hủy phá thiện niệm của người. Hãy khôn ngoan lượng sức con trâu của mình, đừng dùng quá sức đến nỗi kiệt lực.

4/- Đối Trị Nhác Ngủ:

Các Tỳ-kheo ban ngày hãy nỗ lực tu tập thiện pháp, đừng để thời giờ bỏ qua. Đầu đêm cuối đêm phải lo tụng niệm để tiêu trừ phiền não, sanh trưởng thiện pháp. Đừng vì ngủ

nghỉ mà luống qua một đời. Lửa vô thường đang đốt cháy thế gian, phải mau mau giải thoát. Giặc phiền não đang rình giết ta, tại sao ta lại có thể yên tâm ngủ nghỉ mà không tự cảnh giác? Phiền não nằm trong tâm chúng ta như rắn hổ mang màu đen đang nằm trong nhà. Các Thầy phải mau mau dùng móc sắt giới luật mà cấp tốc móc kéo nó ra. Rắn phiền não có ra rồi mới nên yên ngủ. Rắn chưa ra mà cứ ngủ thì thật là kẻ không biết hổ thẹn. Hổ thẹn là phục sức đẹp nhất, hổ thẹn có năng lực chế ngự tất cả phi pháp. Các Thầy Tỳ-kheo hãy luôn luôn tự biết hổ thẹn, tự biết sỉ nhục đừng bao giờ quên, dù chỉ tạm thời. Có hổ thẹn là có thiện pháp. Không hổ thẹn là không công đức, khác gì cầm thú.

5/- Đối Trị Phiền Não:

– SÂN: **Các Thầy Tỳ-kheo, dù ai xẻ thân thể ra từng mảnh, phải tự kiềm chế, đừng khởi sân giận. Giữ gìn miệng lưỡi, đừng thốt ra tiếng không lành. Sân giận hại đạo nghiệp, hư công đức. Trì giới và khổ hạnh, công đức chẳng thể sánh kịp nhẫn nhục. An nhẫn là sức mạnh của bậc thượng nhân. Kẻ nào chưa thể hoan hỷ tiếp nhận các thứ nhục mạ như uống nước cam lồ, thì chưa thể gọi là người có trí tuệ nhập đạo. Vì giận dữ phá hủy hết thảy thiện pháp, hiện tại và vị lai không ai muốn nhìn. Các Thầy Tỳ-kheo phải thường xuyên đề phòng lửa sân giận ác liệt. Giặc cướp công đức không chi hơn**

giận dữ. Người thế gian vì ham dục lạc, vì không tu hành nên không có phương tiện để tự kiềm chế, mỗi khi nổi sân ta còn có thể tha thứ. Người xuất gia đã bỏ dục vọng mà còn nổi sân thì có khác chi giữa bầu trời quang sáng mà có sấm sét nổi lửa. Thật là điều không thích đáng.

– KIÊU MẠN: **Hỡi các Thầy Tỳ-kheo! Hãy tự xoa đầu, đã bỏ trang sức, mặc áo hoại sắc, tay cầm bình bát khất thực xin ăn mà còn kiêu ngạo là điều không thể có.**

– DUA NỊNH: **Các Thầy Tỳ-kheo! Dua nịnh quanh co trái ngược đạo pháp nên phải ngay thẳng tâm mình, lấy đức chất trực làm căn bản.**

III./ THÀNH TỰU CÔNG ĐỨC XUẤT THẾ

1/- Thiểu dục:

Các Thầy Tỳ-kheo phải biết tham muốn nhiều thì khổ não cũng nhiều. Ít muốn thì ít tai họa. Chỉ có thế cũng đã phải cần tập đức ít muốn. Huống chi ít muốn còn đem lại các thiện hạnh và công đức. Người ít muốn đâu cần dua nịnh quanh co để được lòng người. Người ít muốn không bị ngũ dục lôi kéo nên lòng bình thản không lo sợ. Ở cảnh ngộ nào cũng thấy đầy đủ, không có cảm giác thiếu thốn. Có ít muốn là có Niết-bàn.

2/- Tri túc:

Các Thầy Tỳ-kheo muốn thoát khổ não thì hãy tập hạnh tri túc (biết đủ)**. Biết đủ là giàu sang, vui vẻ và**

yên ổn. Biết đủ thì nằm trên đất vẫn vui, không biết đủ thì ở thiên đường cũng chưa vừa ý. Người biết đủ thì nghèo mà giàu, người không biết đủ thì tuy giàu mà nghèo. Người không biết đủ thì luôn luôn bị năm thứ dục lạc lôi kéo, khiến cho người biết đủ xót thương.

3/- Siêu thoát:

Các Thầy Tỳ-kheo muốn cầu tịch tịnh vô vi an lạc, hãy một mình ở chỗ an nhàn, thoát ly tất cả ồn ào phiền não. Người an tĩnh được trời Đế thích và chư thiên tôn kính. Các Thầy hãy thoát ly đồ chúng, thanh thái ở nơi thanh vắng, ngẫm nghĩ phương pháp cắt đứt gốc rễ của đau khổ. Có nhiều đồ chúng sẽ bị quấy phá, như cây đại thọ có nhiều chim chóc tập họp, hẳn

bị cái họa gẫy cành héo lá, như voi già sa xuống bùn lầy, người bị ràng buộc sẽ chìm ngập trong thống khổ, khó mong giải thoát.

4/- Tinh tấn:

Các Thầy Tỳ-kheo nỗ lực tinh tấn thì chẳng việc gì khó khăn. Giọt nước tuy nhỏ mà cứ chảy mãi cũng xuyên thủng đá. Người hành đạo biếng nhác như kẻ kéo lửa chưa nóng đã ngừng, thì dù thiết tha cầu lửa, lửa cũng khó mà có được.

5/- Chánh niệm:

Các Thầy Tỳ-kheo cầu thiện tri thức, cầu thiện hộ trì, chẳng bằng không quên chánh niệm, hễ quên chánh niệm thì giặc phiền não liền xâm nhập. Chánh niệm vững mạnh

thì dù ở trong đám giặc ngũ dục cũng không bị chúng sát hại, tựa như tướng sĩ ra trận đã có áo giáp còn sợ hãi gì.

6/- Thiền định:

Các Thầy Tỳ-kheo tập trung tâm lại thì sẽ nhập thiền định. Nhập thiền có thể thấu triệt pháp tướng sanh diệt của thế gian. Nên các Thầy phải thường tập thiền định, đừng để tâm tán loạn. Như người làm ruộng tiếc nước thì phải khéo đắp bờ. Tu sĩ phải tập thiền định để cô đọng nước trí tuệ.

7/- Trí tuệ:

Các Thầy Tỳ-kheo có trí tuệ thì hết đam mê, luôn luôn tự thức tỉnh, tự dò xét, không để lỗi lầm phát hiện. Người này ở trong chánh pháp của ta

có khả năng giải thoát. Không thế thì chẳng phải xuất gia, chẳng phải thế tục, không còn biết gọi là gì. Trí tuệ chân thật, là chiếc thuyền chắc nhất vượt biển sanh lão bệnh tử, là ngọn đèn sáng nhất chiếu phá hắc ám vô minh, là thần dược chữa bệnh, là búa sắc chặt phiền não. Vì thế, các Thầy Tỳ-kheo hãy dùng tuệ Văn Tư Tu mà tăng tiến lợi ích. Có trí tuệ soi chiếu thì dù còn mắt thịt cũng vẫn là kẻ thấy rõ nhất.

8/- Không hý luận:

Các Thầy Tỳ-kheo! Hý luận thì tâm trí rối loạn, tuy xuất gia mà chẳng giải thoát. Cho nên phải tức khắc trừ bỏ hý luận để thực hiện cái vui tịch diệt.

VĂN KẾT

Các Thầy Tỳ-kheo! Hãy thường nhất tâm tu tập, đừng có phóng dật. Đại bi Thế Tôn đã nói chánh pháp ích lợi tận cùng. Các Thầy chỉ còn việc nỗ lực tu hành. Hoặc nơi rừng núi, hoặc cạnh đầm vắng, dưới gốc đại thọ, hoặc trong tịnh thất. Các Thầy hãy thư thái thọ trì, chiêm nghiệm chánh pháp chớ để lãng quên. Thường gắng tinh tấn, đừng để hư sinh, sau này ăn năn. Ta như lương y theo bệnh cho thuốc, còn uống hay không, lương y không lỗi. Như người dẫn đường đã chỉ đúng đường, nghe rồi không đi, Đạo sư không lỗi.

IV./ CHỨNG NHẬP QUYẾT ĐỊNH

"Này các Tỳ-kheo! Bốn diệu chân lý, ai còn hồ nghi thì xin hỏi ngay, không được hoài nghi mà không cầu giải".

Thế Tôn ba lần hỏi, đại chúng vẫn im lặng. Tôn giả A Na Luật Đà quan sát tâm trí chúng Tăng rồi bạch đức Thế Tôn: "Mặt trăng có thể làm cho nóng, mặt trời có thể làm cho lạnh, bốn chân lý không thể sai khác. Phật đã dạy thế gian là khổ. Đúng như thế, không thể có vui ở thế gian. Ngài đã dạy Tập là gốc khổ. Đúng như thế, không còn nguyên nhân nào khác. Ngài đã dạy Diệt là hết khổ. Đúng như thế, nhân Tập đã diệt thì quả Khổ cũng diệt theo. Ngài đã dạy Đạo là phương pháp diệt

khổ. Đúng như thế, không còn đường lối nào khác.

Bạch đức Thế Tôn! Các Tỳ-kheo đây đã quyết định tin hiểu bốn chân lý, không còn hồ nghi gì nữa".

Tăng chúng lúc ấy, những người việc làm chưa hoàn tất thì thấy Phật diệt độ hãy còn bi cảm. Những người mới vào chánh pháp, nghe lời Phật nói liền được hóa độ, như trong đêm tối mà điện chớp sáng, thấy ngay đường đi. Những người việc làm đã hoàn tất, đã vượt qua biển khổ, thì chỉ nghĩ rằng: "Thế Tôn diệt độ sao mà mau chóng thế".

V./ TÁI HUẤN

Đức Phật đại bi muốn cho đại chúng đều được kiên định nên huấn

dụ thêm: Ta ở lại đời dù cả đại kiếp cũng không ích gì. Vì đã hợp mà không tan là điều không thể có. Chánh pháp tự lợi, lợi tha ta đã nói đủ. Nhân thiên đáng độ ta đã độ rồi. Ai chưa đủ khả năng, ta cũng đã tạo yếu tố nhân duyên để sau này sẽ được hóa độ. Đệ tử của ta triển chuyển thực hành, như thế là Pháp-thân ta thường trụ bất diệt.

Này các Thầy Tỳ-kheo! Phải ý thức vô thường, có hợp có tan, không nên lo buồn. Chỉ nên nỗ lực tinh tấn, sớm cầu tự độ, đem ánh sáng trí tuệ diệt trừ hắc ám vô minh. Thế gian mong manh không chi bền bỉ. Ta nay diệt độ như thoát ác bệnh. Thân này đáng chán sanh già bệnh chết, chìm ngập trong biển khổ đau, ai người trí tuệ

lại không vui mừng khi trừ bỏ được kẻ thù.

Các Thầy Tỳ-kheo hãy thường nhiếp tâm nỗ lực cầu tuệ giải thoát. Vạn pháp động hay bất động đều vô thường không an. Thôi, đại chúng hãy yên lặng, ta vào Niết-bàn.

Trên đây là lời giáo huấn tối hậu của ta.

NĂM ĐỨC PHẢI ĐỦ

Kinh Phước Điền nói Sadini phải đủ năm đức:

1) Phát tâm xuất gia, vì cảm hội Phật pháp.
2) Hủy bỏ hình đẹp, vì thích ứng pháp y.
3) Cắt ái từ thân, vì không còn thân sơ.
4) Coi thường thân mạng, vì tôn sùng Phật pháp.
5) Chí cầu đại thừa, vì muốn hóa độ quần mê.

Khuyến phát

Bồ Đề Tâm Văn

KHUYẾN PHÁT BỒ ĐỀ TÂM VĂN

Thật Hiền tôi là một kẻ xuất gia phàm phu đã bất tiếu lại ngu hèn, khóc mà lạy, khẩn thiết khuyến cáo đại chúng hiện tiền, nam nữ đức tin thanh tịnh về thời vị lai. Xin quý vị thương xót gia tâm một chút mà nghe và xét cho.

Tôi từng nghe cửa chính yếu để nhập đạo thì sự phát tâm đứng đầu, việc khẩn cấp để tu hành thì sự lập nguyện ở trước. Nguyện có lập mới

độ nổi chúng sanh. Tâm có phát mới thành được Phật đạo. Không phát quảng đại tâm, không lập kiên cố nguyện thì dù trải qua đời kiếp nhiều như cát bụi, vẫn y nhiên ở trong luân hồi. Tu hành lao nhọc bao nhiêu chỉ khổ sở vô ích. Kinh Hoa Nghiêm dạy: "Quên mất tâm Bồ-đề mà tu thiện pháp thì gọi là ma sự". Quên mất còn vậy, huống chi chưa phát tâm Bồ-đề. Cho nên muốn học Như Lai thừa, trước phải phát Bồ-tát nguyện, không thể chậm trễ.

Tâm nguyện có nhiều sắc thái khác nhau, tóm lại mà nói thì có 8 là: Tà chánh, chân ngụy, đại tiểu, thiên viên.

Tu hành một chiều không cứu xét tự tâm, chỉ lo những việc ở ngoài vụ

lợi háo danh, cầu lạc thú hiện tại hoặc vui thích ngày mai. Phát tâm như vậy gọi là TÀ.

Danh lợi không ham, chỉ cầu thoát ly sanh tử, sớm chứng Bồ-đề. Phát tâm như vậy gọi là CHÁNH.

Niệm niệm mong cầu Phật đạo, bước bước hóa độ chúng sanh, nghe Phật đạo lâu xa không khiếp sợ, thấy chúng sanh nặng nghiệp không thoái lui, đã trèo núi thì dù vạn trượng cũng quyết lên tận đỉnh, đã leo tháp thì dù trải chín tầng cũng cố lên tột nóc. Phát tâm như vậy gọi là CHÂN.

Có tội không sám, có lỗi không bỏ, trong bẩn ngoài sạch, trước siêng sau nhác, tâm tốt để danh lợi hoen ố, thiện pháp để vọng nghiệp nhuốm nhơ. Phát tâm như vậy gọi là NGỤY.

Chúng sanh giới hết, nguyện ta mới hết. Bồ-đề đạo thành, nguyện ta mới thành. Phát tâm như vậy gọi là ĐẠI.

Coi ba cõi như lao ngục, nhìn sanh tử như oan gia, chỉ mong tự độ chẳng dám độ người. Phát tâm như vậy gọi là TIỂU.

Ngoài tâm thấy có chúng sanh, thấy có Phật đạo, nguyện độ nguyện thành, công phu không xả, tri kiến cố chấp. Phát tâm như vậy gọi là THIÊN.

Tự tánh chúng sanh thệ nguyện độ, tự tánh Phật đạo thệ nguyện thành, không thấy một pháp nào ngoài tâm, tâm vô tướng, nguyện vô tướng, hạnh vô tướng, quả vô tướng, cho đến tướng vô tướng cũng vô sở đắc. Phát tâm như vậy gọi là VIÊN.

Đối chiếu 8 điều trên, chúng ta hãy tự xét chỗ phát tâm của mình là Tà hay Chánh, Chân hay Ngụy, Đại hay Tiểu, Thiên hay Viên. Cứu xét minh bạch rồi thì bỏ Tà Ngụy Tiểu Thiên mà lấy Chánh Chân Viên Đại. Như thế gọi là chân chánh phát Bồ-đề tâm.

Bồ-đề tâm đứng đầu vạn thiện. Có nhiều lý do phát khởi Bồ-đề tâm, nay tóm lược 10 nhân duyên:

1- BÁO ƠN PHẬT

Thích Ca Như Lai của chúng ta đã vì chúng ta tu Bồ-tát đạo, trải vô lượng kiếp chịu đủ cực khổ. Khi ta tạo tội, đức Phật xót thương phương tiện giáo hóa mà ta ngu si không biết tin nhận. Ta đọa địa ngục, Phật càng

đau xót muốn chịu khổ thay ta. Nay ta làm người, Phật dạy gieo trồng thiện căn. Đời đời kiếp kiếp Phật theo dõi ta không hề tạm bỏ. Khi Phật tại thế ta còn chìm đắm, nay ta được thân người thì Phật đã diệt độ.

Tội lỗi gì mà sinh nhằm thời mạt pháp, phước đức gì mà được dự hàng xuất gia, nghiệp chướng gì mà chẳng nhìn thấy thân vàng của Phật, nhân lành gì mà được gặp xá lợi của Ngài? Nếu quá khứ chưa từng trồng thiện căn thì ngày nay làm sao được nghe Phật Pháp. Ân đức như vậy núi non khó sánh. Nếu không phát quảng đại tâm, thật hành Bồ-tát đạo, xây dựng Phật Pháp, giáo hóa chúng sanh thì dẫu xương tan hình nát, cũng khó mà đáp trả ơn Phật.

2- BÁO ƠN CHA MẸ

Cảm thương cha mẹ sanh ta cực nhọc, mười tháng mang thai, ba năm bú mớm, nhường khô nằm ướt, nhường ngọt nuốt đắng, những mong sau này thừa kế gia phong, sống nuôi chết cúng. Nhưng nay ta lại xuất gia, lạm xưng Thích tử, mạo hiệu Sa-môn, ngon ngọt không cung phụng, cúng tế chẳng chu tất. Cha mẹ sống, ta không nuôi dưỡng. Cha mẹ chết, ta chẳng rảnh rang để ở nhà tiếp dẫn nghiệp thức. Hiếu thế gian ta kham bội bạc, hiếu xuất thế gian ta cũng thiếu sót, hai đường mất cả, tội nặng làm sao thoát khỏi. Chỉ còn có cách thường hành Phật đạo, phát nguyện kiếp này kiếp khác khắp độ quần sanh. Được như vậy thì chẳng những đền ơn đáp

nghĩa cha mẹ một đời, mà lịch kiếp song thân đều mong siêu thoát.

3- ƠN SƯ TRƯỞNG

Tình cha mẹ thương con như biển hồ lai láng. Công cha như núi, nghĩa mẹ như nguồn, nhưng tình ái lại chính là gốc trầm luân lịch kiếp. Nếu không có Sư trưởng thì sao biết lễ nghi, sao hiểu Phật pháp. Lễ nghĩa không biết thì khác gì cầm thú, Phật pháp không hiểu thì y nhiên là kẻ phàm phu. Nay chúng ta cà sa phủ thân, giới phẩm thấm mình, ân đức trọng đại này nhờ Sư trưởng mà được. Nếu ta chỉ cầu quả vị nhỏ, lợi ích riêng một bản thân thì làm sao đền ơn Sư trưởng. Cho nên phải y theo đại thừa, khắp đem Phật pháp lợi ích quần sanh.

4- BÁO ƠN THÍ CHỦ

Hiện tại chúng ta trăm thứ cần dùng đều không phải của mình tự có. Cháo cơm mấy buổi, y áo bốn mùa, tật bệnh thuốc thang, thân mệnh tiêu thọ, đều nhờ sức lực kẻ khác. Người ta nắng mưa cày cấy mà ăn chẳng đủ no, ta ngồi mát hưởng thọ ăn uống mà còn không vừa lòng. Người ta ngày đêm đan dệt mà vẫn chịu khổ lạnh rét, còn ta y áo dư dả đâu biết tiếc giữ. Người ta cửa cỏ lều tranh quanh năm vất vả, còn ta nhà cao cửa rộng thư thả sớm chiều. Đem sự cực nhọc của người để cung phụng cái an nhàn cho ta, làm sao yên dạ? Mồ hôi nước mắt của người để cung cấp cho thân xác ta, làm sao hợp lý? Cho nên nếu không vận dụng bi trí trang nghiêm,

song tu phước huệ để thí chủ nhờ ơn, chúng sanh mong phước thì mỗi hạt gạo, mỗi tấc vải đều có đòi nợ và trong sáu đạo u minh, những quả báo xấu sẽ đợi chờ.

5- BÁO ƠN CHÚNG SANH

Từ bao nhiêu kiếp đời đời làm cha mẹ lẫn nhau, ngày nay mang lông đội sừng nhưng kiếp xưa đã từng là cha mẹ chúng ta. Hiện tại trùng động trùng bay nhưng quá khứ đã từng ôm ẵm bú mớm chúng ta. Thường thấy nhỏ mà xa cha mẹ thì lớn lên quên mất hình dáng, huống chi cha mẹ đời trước. Nay đang gào thét trong địa ngục, lửa đốt trong ngã quỷ, thống khổ ai biết, đói khát gọi ai? Ta dẫu không nghe không thấy nhưng họ tất

đang mong cầu cứu vớt. Kinh Phật đã nói rõ việc ấy. Bồ-tát nhìn sâu kiến toàn là cha mẹ quá khứ, chư Phật vị lai, thường nghĩ cách ích lợi, đền trả ơn xưa.

6- NHỚ KHỔ SANH TỬ

Ta cùng chúng sanh từ bao nhiêu kiếp, hết ở thế giới này sang thế giới khác, một thoáng làm trời, một thoáng làm người, một thoáng làm địa ngục, ngã quỷ, bàng sanh. Cửa đen sớm ra chiều vào, hang sắt vừa thoát lại vô, lên núi đao thì cả mình không còn mảng da nguyên vẹn, bíu cây kiếm thì cắt xẻ từng tấc từng vuông, sắt nóng không hết đói mà nuốt vào thì ruột đứt nát gan, đồng sôi đâu khỏi khát mà uống vào thì nhừ thịt tan

xương. Cưa sắt xẻ thân, vừa cưa xong đã liền lại để chịu cưa nữa. Gió quái thổi vào, vừa chết đã sống lại ngay để còn chịu hành hình. Trong thành lửa bốc, chỉ nghe cái thảm thét gào. Trong chậu nấu rang, toàn một tiếng rên thống thiết. Băng giá đọng lại thì thân như sen xanh trắng nhợt, máu thịt ướp nước đá đỏ hồng như sen nở hoa. Tại địa ngục một đêm sống chết vạn lần, vì thống khổ nên một phút như ở nhân gian trăm năm. Khi chịu khổ hối hận không kịp, vừa thoát ra lại đã quên ngay, tạo nghiệp như cũ, mãi hoài, làm cho ngục tốt mệt nhọc, nào ai chịu nghe Diêm Vương khuyên bảo.

Đánh con lừa đổ máu, đâu biết đó là cái thảm của mẹ mình. Lôi con

heo đến lò thịt, nào đâu biết đó là nỗi đau khổ của cha mình. Xưa vua Văn Vương được thế gian tôn xưng là Thánh nhân, mà ăn thịt con ruột còn không biết, huống chi phàm phu hàng ngày ăn thịt cha mẹ làm sao hay. Đời trước ơn nghĩa, đời nay thành oán thù. Ngày xưa oán thù, ngày nay thành ruột thịt. Quá khứ là mẹ, hiện nay thành vợ. Túc thế là cha, hiện tại là chồng. Các bậc có thiên nhãn, nhìn thế gian thật quả đáng cười và đáng thương!

Mười tháng ở trong túi máu, khi đi ra phải một phen dốc ngược, nhỏ thì ngây ngô, lớn lên liền tham dục, thoáng một cái đã già đã bệnh, phút chốc tử thần đã hiện tiền. Bấy giờ gió với lửa hành hạ nên trong thì nghiệp

thức bấn loạn, khí và huyết đều ráo cạn, nên tựa hồ da thịt ở ngoài khô khan. Không một chân lông nào mà không như bị kim xoáy, không một thớ thịt nào mà không như bị dao cắt. Con rùa đem nấu thoát vỏ còn dễ, nghiệp thức của chúng ta thoát xác thật là khó khăn.

Vọng tâm không phải chủ nhân, y như thương khách bôn ba. Thân tứ đại không thật hình, khác nào phòng nhà thay đổi. Đem bụi cả thế giới, khó đủ để đếm thân luân hồi. Nước cả đại dương, vẫn không bằng nước mắt biệt ly. Xương nếu chất lên cao hơn núi cả, thây nếu đem sắp thì đại địa không đủ chỗ. Không được nghe kinh Phật, ai hay ai biết việc này. Vậy mà có kẻ nghe kinh rồi, vẫn còn

tham luyến si mê như xưa. Chỉ e rằng muôn kiếp ngàn đời mới được thân người, nhân một phen lầm lỡ thì sẽ cả trăm kiếp mê si. Thân người khó được mà dễ mất, thời giờ quý báu dễ trôi qua mà không thể kéo về. Đường trước mịt mờ, biệt ly vĩnh viễn, tam đồ khổ báo, ai người chịu thay? Nghĩ tới đây sao khỏi buốt dạ.

Cho nên phải quả quyết triệt dòng sanh tử, thoát biển ái dục, cứu mình cứu người cùng lên bờ giác. Tất cả những công đức rực rỡ phi thường về tương lai, đều y cứ ở nơi một cử động này đây.

7- TÔN TRỌNG TÁNH LINH

Hiện tiền tâm của chúng ta cùng với đức Thích Ca Thế Tôn, không

hai không khác. Vậy mà Thế Tôn đã thành chánh giác từ vô lượng kiếp, còn chúng ta thì cứ ngu si thác loạn phàm phu. Thế Tôn thì có vô lượng thần thông tuệ giác, công đức trang nghiêm. Còn chúng ta chỉ có vô biên nghiệp chướng phiền não, sanh tử buộc ràng. Tâm tánh đồng nhất mà mê ngộ thì khác nhau một vực một trời. Xét kỹ không tủi thẹn được sao? Ngọc báu vô giá lấp xuống bùn lầy, mà nỡ coi như ngói gạch không chút quý tiếc.

Phải vận dụng vô lượng thiện pháp, đối trị vô biên phiền não. Có công tu hành thì tánh đức mới tỏ lộ. Ngọc báu được rửa sạch để trên cao thì ánh sáng chói lòa khắp nơi. Như thế mới không phụ sự giáo hóa của

Phật. Như thế mới không phụ tánh linh của mình.

8- SÁM HỐI NGHIỆP CHƯỚNG

Kinh dạy phạm một tội đột-cát-la, đọa địa ngục bằng năm trăm tuổi thọ của Tứ Thiên Vương. Đột-cát-la là tội nhỏ mà còn quả báo như vậy, huống chi tội nặng. Kinh Địa Tạng nói: "Chúng sanh cõi Diêm-phù-đề cử thân mống niệm, không chi không tội". Chúng ta luôn luôn trái với giới luật, miếng ăn miếng uống mỗi mỗi thường phạm thi-la. Một ngày tội đã vô lượng, huống chi trọn đời, huống chi nhiều kiếp. Cứ lấy ngũ giới mà xét thì mười người hết chín vi phạm, bày tỏ thì ít, dấu giếm lại nhiều. Ngũ giới là giới của tại gia mà còn không

giữ nổi, huống chi Sadi, Tỳ-kheo, Bồ-tát. Hỏi cái danh thì tự xưng là Tỳ-kheo, xét cái thật thì chưa đủ làm Ưu-bà-tắc. Như thế không đáng xấu hổ sao? Phải biết giới Phật không thọ thì thôi, đã thọ thì không được phạm, bởi vì không phạm thì thôi, đã phạm chắc chắn đọa lạc. Cho nên cảm thương thân mình lại xót người khác, ngàn đời muôn kiếp ác báo khó tránh. Hôm nay thân miệng bi thiết, nước mắt theo âm thanh mà tuôn rơi, khắp vì chúng sanh khẩn cầu sám hối.

9- CẦU SANH TỊNH ĐỘ

Tu hành cõi này tiến đạo rất khó, trải qua nhiều kiếp chưa chắc hoàn thành, vãng sanh cõi Phật thành đạo

rất dễ, chỉ nội một đời là xong. Do đó, Thánh xưa Hiền trước ai cũng khuynh hướng Tịnh-độ. Ngàn kinh vạn luận đều chỉ chỗ ấy là chỗ trở về. Quả thật mạt pháp tu hành không pháp môn nào hơn. Kinh A Di Đà nói: "Không thể lấy ít thiện căn phước đức nhân duyên mà được vãng sanh". Thiện căn lớn không chi bằng niệm Phật, phước đức lớn không chi bằng phát quảng đại tâm. Nhất tâm niệm Phật hơn bố thí một trăm năm, một niệm phát tâm Bồ-đề công đức vượt sự tu hành nhiều kiếp. Bởi vì niệm Phật vốn mong làm Phật, không phát tâm Bồ-đề thì có niệm cũng không làm gì. Phát tâm cốt để tu hành, không vãng sanh Tịnh-độ rất dễ thoái chuyển.

Phát tâm là gieo giống Bồ-đề, cày bằng cày niệm Phật. Phát tâm là nhân, niệm Phật là duyên. Nhân duyên đầy đủ thì trái hạt tuệ giác nhậm vận viên thành. Đại nguyện là thuyền, niệm Phật như xuôi gió, Tịnh-độ Tây phương Cực Lạc quyết định vãng sanh.

10- PHẬT PHÁP TRƯỜNG TỒN

Thế Tôn ta vô lượng kiếp vì ta tu đạo Bồ-đề, làm những việc khó làm, nhẫn những việc khó nhẫn, nhân tròn quả đủ mới được thành Phật. Giáo hóa khắp cả, cơ duyên hoàn tất, Ngài nhập Niết-bàn. Chánh pháp Tượng pháp đã qua, tới thời Mạt pháp. Phật Pháp còn đó nhưng người tu hành thì không, tà chánh không phân, đúng sai

hỗn tạp, tranh giành nhân ngã, đeo đuổi lợi danh. Mở mắt ra nhan nhản thấy đều như vậy. Chẳng biết Phật là bậc nào, Pháp là nghĩa gì, Tăng là người chi. Suy tàn đến thế, nghĩ tới không khỏi không rơi nước mắt. Thân làm con Phật mà không thể đền ơn Phật. Vô ích cho mình, vô ích cho người, hiện tại sống vô ích, mai hậu chết vô ích. Kẻ tội nặng chẳng phải ta thì ai? Trời cao chẳng thể che nổi, đất dày cũng khó chở được. Đau đớn khôn nhẫn, toan tính không được, nên quên bản chất quê hèn, phát tâm rộng lớn, tuy chưa có khả năng vãn hồi mạt vận ngay lúc này, nhưng quyết chí lo tính hộ trì Phật Pháp mai sau. Do đây cùng các thiện hữu quy tụ đạo tràng, soạn thuật sám pháp,

lập pháp hội này, phát bốn mươi tám đại nguyện, nguyện nào cũng mong hóa độ chúng sanh, thâm tâm mong cầu Phật đạo, thệ nguyện phát khởi bây giờ nhưng đều thề cùng tận vị lai tế. Hết đời này nguyện sanh Cực Lạc, dự vào chín phẩm, xong rồi trở lại Ta Bà. Mong sao Phật nhật tăng huy, pháp môn rộng mở, biển Tăng già được trong lặng ở ngay cõi Ta Bà, dân chúng được tiếp hóa thành nhân gian Tịnh-độ, Phật Pháp trường tồn, mối ưu tư chân thành thiết tha ấp ủ.

Mười nhân duyên, tám sắc thái, khuynh hướng đã có lối, khai phát đã có nơi.

Chúng ta đã được thân người ở trong đạo pháp, sáu căn vẹn toàn, cơ

thể an ổn, tín tâm đầy đủ lại không ma chướng, huống chi còn được xuất gia, thọ giới cụ túc, được gặp đạo tràng, được nghe thuyết pháp, chiêm bái xá lợi, tu tập sám môn, hội ngộ thiện hữu, thắng duyên đầy đủ, như vậy mà còn không phát đại tâm, hỏi đợi đến ngày nào?

Cầu xin đại chúng thương xót thành tâm ngu muội của tôi, xét đến chí nguyện khổ sở của tôi, mà cùng tôi lập nguyện, cùng tôi phát tâm. Ai chưa phát thì nay phát, ai đã phát rồi thì tiến triển, tiến triển rồi thì liên tục. Đừng sợ khó mà khiếp hãi lùi bước, đừng cho dễ mà khinh thường hời hợt, đừng ham mau mà thành hấp tấp, đừng biếng nhác mà thiếu dũng tiến, đừng uể oải mà không phấn

khởi, đừng chần chờ mà đặt kỳ hẹn, đừng vì thiếu thông minh mà không lưu ý, đừng vì trình độ chậm chạp mà tự khinh không có phần. Như trồng cây, lâu ngày thì rễ ăn xuống sâu. Như mài dao, mài mãi thì dao cùn cũng thành sắc. Không thể vì rễ cạn mà không trồng để mặc cây khô héo. Không thể vì dao cùn mà không mài để dao vô dụng.

Nếu cho tu là khổ thì biếng nhác còn khổ hơn. Tu khó nhọc một thời mà an vui vĩnh viễn. Biếng nhác thì tựa hồ một đời thư thả nhưng nhiều kiếp khổ đau. Huống chi lấy pháp môn Tịnh-độ làm thuyền tàu, còn lo gì thoái chuyển, lấy tuệ giác vô sanh làm sức nhẫn, còn sợ gì khó khăn. Nên biết tội nhân trong địa ngục mà

còn phát được tâm Bồ-đề, huống chi chúng ta làm người lại còn là con Phật, mà không lập đại nguyện ngay trong đời này. Vô thủy hôn mê quá khứ không thể cản lại, ngày nay tỉnh ngộ còn có thể sửa soạn tương lai. Mê mà chưa tỉnh cố nhiên đáng thương, biết mà không làm thật là đáng tiếc. Sợ khổ địa ngục thì tinh tấn tự sanh, nhớ nghĩ vô thường thì biếng nhác tự diệt. Điều cần thiết là lấy Phật Pháp làm roi cảnh sách, lấy thiện hữu làm tay dắt dẫn đường, trọn đời cố bám víu không tách rời thì không làm gì còn có sự thoái chuyển.

Đừng cho một niệm là nhỏ, đừng cho lời nguyện là thường. Tâm chân thì sự thật, nguyện rộng thì hạnh sâu, không gian không lớn mà chân

tâm mới lớn, kim cương không bền mà nguyện lực mới bền. Nếu quả thật đại chúng không bỏ lời tôi thì quyến thuộc giác ngộ bạn lành sen vàng từ đây giao kết, cùng nguyện đồng sanh Tịnh-độ, đồng thấy Di Đà, đồng hóa chúng sanh, đồng thành chánh giác. Như vậy thì ba mươi hai diệu tướng, trăm phước trang nghiêm, hẳn bắt đầu từ sự phát tâm lập nguyện ngày hôm nay. Xin đại chúng cùng nhau nỗ lực, thật là vô cùng may mắn.

MỤC LỤC

TIỂU SỬ 5

KINH TỨ THẬP NHỊ CHƯƠNG

LỜI NÓI ĐẦU 17

A. TỔNG KHỞI 21

B. CHÁNH THUYẾT 22

1- CỘNG GIÁO: HẠNH QUẢ TAM THỪA 26

2- BẤT CỘNG GIÁO: THẮNG HẠNH ĐẠI THỪA 42

3- TU 44

C. TỔNG KẾT 47

KINH DI GIÁO

I/ TU TẬP CÔNG ĐỨC ĐỐI TRỊ TÀ NGHIỆP 48

II/ TU TẬP CÔNG ĐỨC ĐỐI TRỊ CÁC KHỔ 50

III/ THÀNH TỰU CÔNG ĐỨC XUẤT THẾ 56

IV/ CHỨNG NHẬP QUYẾT ĐỊNH 62

V/ TÁI HUẤN 63

KHUYẾN PHÁT BỒ ĐỀ TÂM VĂN

1- BÁO ƠN PHẬT.....73
2- BÁO ƠN CHA MẸ. 75
3- ƠN SƯ TRƯỞNG. 76
4- BÁO ƠN THÍ CHỦ.....77
5- BÁO ƠN CHÚNG SANH. 78
6- NHỚ KHỔ SANH TỬ.....79
7- TÔN TRỌNG TÁNH LINH.....83
8- SÁM HỐI NGHIỆP CHƯỚNG. 85
9- CẦU SANH TỊNH ĐỘ. 86
10- PHẬT PHÁP TRƯỜNG TỒN. 88

TỨ THẬP NHỊ CHƯƠNG

Tỳ Kheo Ni Hải Triều Âm

NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO
53 Tràng Thi - Hoàn Kiếm - Hà Nội
ĐT: 024.37822845 - Fax: 024.37822841
Email: nhaxuatbantongiao@gmail.com

Chịu trách nhiệm xuất bản
Giám đốc - Tổng biên tập
TS. Bùi Thanh Hà
Biên tập: **Nguyễn Thị Huệ**
Trình bày & bìa: **Khánh Chi**
Sửa bản in: **Tỳ-kheo-ni Bảo Giác**

Đơn vị liên kết:
Chùa Dược Sư
Địa chỉ:
Thôn Phú An, xã Phú Hội,
huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng.

Số lượng in: 3000 bản, khổ 14,5x20,5cm. In tại: Xí nghiệp in Fahasa, 774 Trường Chinh, P. 15, Q. Tân Bình, TP.HCM. Số ĐKXB: 1756-2019/CXBIPH/07-65/TG. Mã ISBN: 978-604-61-6324-4. QĐXB: 202/QĐ-NXBTG ngày 7/6/2019. In xong và nộp lưu chiểu năm 2019.